

Số: 04/2025/QĐST-DS

S, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP P1 (O1).

Trụ sở chính: Tòa nhà T, Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T: Ông Nguyễn Dũng T1 (Theo giấy ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến D: Ông Triệu Trọng K, sinh năm: 1999; chức danh: Chuyên viên Thu hồi nợ - Phòng Thu hồi nợ hiện trường – Ngân hàng TMCP P1; Địa chỉ: Số A, N, phường M, thành phố C, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2024).

- *Bị đơn*:

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1989.

Chị Lê Thị N, sinh năm: 1986.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị N: anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024).

Cùng địa chỉ: Số D, đường H, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn P, đồng thời anh P là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị N và Ngân hàng TMCP P1 (O1) thống nhất thỏa thuận:

Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị N đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP P1 (OCB) số tiền vốn, tiền lãi tạm tính đến ngày 06/02/2025 từ các Hợp đồng tín dụng số 0112/2022/HĐTDHM ngày 28/12/2022; số 0081/2023/HĐTDHM ngày 18/12/2023 và các khế ước nhận nợ tổng cộng là **3.621.307.373** (Ba tỷ sáu trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bảy nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) Trong đó: Nợ gốc là 3.500.000.000 đồng, nợ lãi là 121.307.373 đồng, theo lộ trình cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số 0081.01/2023/KUNN-OCB-CN ngày 18/12/2023:

+ Ngày 06/02/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/3/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/5/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 0112.04/2023/KUNN-OCB-CN ngày 21/06/2024:

+ Ngày 06/02/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/3/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/5/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 0112.05/2023/KUNN-OCB-CN ngày 11/10/2024:

+ Ngày 06/02/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/3/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/5/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 0112.06/2023/KUNN-OCB-CN ngày 14/10/2024:

+ Ngày 06/02/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/3/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

+ Ngày 06/5/2025 trả nợ gốc 500.000 đồng.

- Đến ngày 07/5/2025 tất toán toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi tạm tính và lãi phát sinh cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số 0112/2022/HĐTDHM ngày 28/12/2022; Hợp đồng tín dụng số 0081/2023/HĐTDHM ngày 18/12/2023 và các Khế ước nhận nợ số 0112.04/2023/KUNN-OCB-CN ngày 21/06/2024; Khế ước nhận nợ số 0112.05/2023/KUNN-OCB-CN ngày 11/10/2024; Khế ước nhận nợ số 0112.06/2023/KUNN-OCB-CN ngày 14/10/2024; Khế ước nhận nợ số

0081.01/2023/KUNN-OCB-CN ngày 18/12/2023. Gồm Nợ gốc: 3.492.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính tiền lãi đến ngày 06/02/2025 là: 121.307.373 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/02/2025 đến khi anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị N hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1 (OCB).

Trường hợp giữa anh Nguyễn Văn P, chị Lê Thị N và Ngân hàng TMCP P1 (O1) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và không đúng theo thỏa thuận lộ trình trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế, kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho phía ngân hàng TMCP P1 (OCB) theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo đã thế chấp cụ thể:

- Theo Hợp đồng thế chấp số 0112/2022/BĐ ngày 28/12/2022 giữa Ngân hàng O1 với anh P, chị N gồm các tài sản:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 365; tờ bản đồ số 36; diện tích 5.479,0m², đất tọa lạc tại: xã L, huyện L, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 876734, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09372 do anh Nguyễn Văn P đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/04/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 345; tờ bản đồ số 36; diện tích 2.097,0m², đất tọa lạc tại: xã L, huyện L, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 876731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09370 do anh Nguyễn Văn P đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/04/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 346; tờ bản đồ số 36; diện tích 2.055,0m², đất tọa lạc tại: xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 876732, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09369 do anh Nguyễn Văn P đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/04/2021;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 347; tờ bản đồ số 36; diện tích 1.526,0m², đất tọa lạc tại: xã L, huyện L, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 876733, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09371 do anh Nguyễn Văn P đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/04/2021.

- Theo Hợp đồng thế chấp số 0111/2022/BĐ ngày 28/12/2022 giữa Ngân hàng O1 với anh P, chị N gồm tài sản:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc

thửa đất số 102; tờ bản đồ số 100; diện tích 120m², đất tọa lạc tại: xã T, huyện L, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 896456, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09743 do anh Nguyễn Văn P đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/5/2022.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 900.000 đồng. Ngân hàng TMCP P1 (O1) đã nộp tạm ứng và chi xong. Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị N đồng ý trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 900.000 đồng cho Ngân hàng TMCP P1 (O1) .

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên thỏa thuận.

Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị N tự nguyện nộp 52.213.073 đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 (O1) số tiền tạm ứng án phí 51.497.000 đồng (*Năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008120 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiều Oanh